

TT	NỘI DUNG		Kết quả thực tế đạt được trong năm học									
			Toàn trường		Đ đạt được so với dự kiến đầu năm học	Trong đó chia ra						
			Kết quả đạt được			Nhà trẻ			Mẫu giáo			
			Số lượng trẻ	Đạt tỷ lệ		3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25 - 36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5 -6 tuổi	
1	Huy động trẻ	Tổng số trẻ	491	100	100	0	0	60	123	153	155	
		Trẻ học nhóm lớp	14					2	3	4	5	
		Trẻ học 2 buổi trên ngày	491	100	100	0	0	60	123	153	155	
		Trẻ khuyết tật học hòa Nhập										
2	Chất lượng nuôi dưỡng trẻ	Trẻ tổ chức được ăn bán trú	491	100	100			60	123	153	155	
		Trẻ được cung cấp chế độ khẩu phần ăn đảm bảo theo nhu cầu khuyến nghị	491	100	100			600 - 651Kcalo/trẻ/ngày.	630 - 726Kcalo/trẻ/ngày.			
3	Chất lượng chăm sóc sức khỏe an toàn cho trẻ	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ	Trẻ cân nặng bình thường	480	97.8	0			58	119	149	154
			Trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	7	1.4	0			1	3	3	7
			Trẻ có chiều cao bình thường	471	95.9	0			57	117	143	154
			Trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	19	3.9	0			3	6	10	0
			Trẻ suy dinh dưỡng thể gầy còm	0	0	0			0	0	0	0
			Trẻ Thừa cân	0	0	0			2	2	0	12

TT	NỘI DUNG		Kết quả thực tế đạt được trong năm học									
			Toàn trường		Đ đạt được so với dự kiến đầu năm học	Trong đó chia ra						
			Kết quả đạt được			Nhà trẻ			Mẫu giáo			
			Số lượng trẻ	Đạt tỷ lệ		3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25 - 36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5 -6 tuổi	
		Trẻ béo phì	4	0.8	0			1	1	1	2	
		Trẻ được đảm bảo an toàn về thể và tinh thần	491	100	100			60	123	153	155	
		Trẻ đi học chuyên cần	445	90.6				89	92	88	93	
4	Chất lượng giáo dục trẻ	Đánh giá chất lượng giáo dục	Trẻ đánh giá ở mức độ " Đạt"	426	87			51	110	130	135	
			Trẻ đánh giá ở mức độ " CCG"	65	13			9	13	23	20	
			Trẻ đánh giá ở mức độ " Chưa đạt"	0								
			Trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN	155								
			Trẻ khuyết tật học hòa nhập được đánh giá có tiến bộ	0								

Cao Nhân, ngày 06 tháng 06 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thanh Hồng